TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2024
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Đức.

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Kim T, sinh năm 1997; hộ khẩu thường trú: thôn H-B, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên hệ: số B, Lô K, Cư xá T, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Đình G, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: thôn H-B, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; tạm trú: KTX Công ty P, Lô A, tổ G, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Bản tự khai ngày 25 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn chị Đặng Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: chị T và anh Phạm Đình Giàu c đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; hôn nhân tự nguyện.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau làm không khí gia đình ngột ngạt, căng thẳng, đời sống chung không còn hạnh phúc. Chị T và anh G không còn chung sống với nhau hơn 03 năm nay. Nay chị T nhận thấy mục đích hôn nhân giữa chị và anh G không đạt được và không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này nên chị T yêu cầu ly hôn với anh G.

Về nuôi con chung: chị T và anh Giàu có một con chung tên Phạm Đình Trung K, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2021, cháu K đang sống cùng chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: chị T và anh G không có tài sản chung và nợ chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Đình G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng anh G đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh G.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án;

Bị đơn anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của chị T và anh G là hôn nhân hợp pháp. Chị T khai nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau; chị T và anh G không còn chung sống với nhau hơn 03 năm nay. Vì vậy, chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh G theo khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trên cơ sở lời khai cũng như nơi sinh sống hiện nay của chị T và anh G, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định, chị T và anh G là vợ chồng nhưng đã không sống chung với nhau, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau là đã không giữ gìn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh G bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa đối với yêu cầu ly hôn của chị T.

Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho chị T và anh G ly hôn.

Về nuôi con chung: chị T và anh Giàu có một con chung Phạm Đình Trung K, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2021, chị T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu K đang sống cùng chị T và cháu K mới hơn 03 tuổi. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, anh Giàu có trách nhiệm giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Giàu có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 107 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về chia tài sản và nợ chung: chị T và anh G không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Kim T đối với anh Phạm Đình G về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho chị Đặng Thị Kim T ly hôn anh Phạm Đình G.

Về nuôi con chung:

Anh Phạm Đình Giàu c trách nhiệm giao con chung tên Phạm Đình Trung K, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2021 cho chị Đặng Thị Kim T trực tiếp nuôi. Chị Đặng Thị Kim T không yêu cầu anh Phạm Đình G cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Đình Giàu c quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu.

Về chia tài sản và nợ chung: chị Đặng Thị Kim T và anh Phạm Đình G không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: chị Đặng Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Đặng Thị Kim T đã nộp theo biên lai số 0003569 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Chị Đặng Thị Kim T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;
(Giấy CNKH số 19, đăng ký ngày 10/6/2020);
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyến